

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
=====

VIỆN KHOA HỌC VIỆT NAM - VIỆN ĐỊA CHẤT
CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP ĐIỀU KIỆN
TU NHIỆN - KINH TẾ - XÃ HỘI 9 TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC



/-/LEN TRẠNG TU NHIỆN - KINH TẾ - XÃ HỘI
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI TỈNH CAO BANG



- Tác giả :** PTE Nguyễn Việt Ý
 PTS Trần Trọng Hoà
 PTS Vũ Văn Vấn
 KS Ngô Thị Phương
 KS Bùi Ân Niên
 KS Phạm Tuấn Huy

/-/B - Nội : 1990



C
1394

M U C L U C

	Mở đầu	2
<u>Phần I</u>	Hiện trạng tự nhiên - kinh tế xã hội tỉnh Cao bằng	5
A -	Hiện trạng tự nhiên	6
B -	Hiện trạng kinh tế	64
C -	Hiện trạng văn hoá - xã hội	116
<u>Phần II</u>	Một số vấn đề về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng và những kiến nghị chính sách chế độ .Biện pháp thực hiện	151

P H U L U C

-	Khoảng sản trên bản đồ tỷ lệ 1/100.000	163
-	Tình hình giao thông đường bộ tỉnh Cao bằng (Đường tỉnh liên huyện)	168
-	Tình hình giao thông đường bộ (Huyện liên xã)	170
-	Bảng thống kê cầu tạm, cầu sửa chữa	172

+
+ +

M Ỏ P Ā U

Thực hiện nghị quyết 22/BCT về phát triển miền núi của Bộ Chính trị, chỉ thị 72/HBT của Hội đồng Bộ trưởng, UBNIKT Nhà nước, ban chủ nhiệm chương trình điều tra tổng hợp tự nhiên - kinh tế - xã hội 9 tỉnh phía Bắc, UBND tỉnh Cao Bằng đã giao cho đoàn cán bộ Viện Địa chất thuộc Viện Khoa học Việt Nam phối hợp với ban chiến lược của tỉnh tiến hành tổng hợp, đánh giá hiện trạng tự nhiên - kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Bằng và trên cơ sở đó tìm ra những thế mạnh trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và những năm tới, đồng thời phát hiện những mặt yếu kém cần có biện pháp hữu hiệu để khắc phục. Trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao, chúng tôi đã được sự quan tâm của Nhà nước và địa phương, đặc biệt là những đánh giá đúng mức về sự cần thiết và tầm quan trọng của công tác này.

Giữa đoàn công tác của Viện Khoa học Việt Nam với Ban chiến lược của tỉnh Cao Bằng đã có sự cộng tác chặt chẽ với tinh thần làm việc tích cực, khẩn trương đồng thời được sự hỗ trợ của các Sở, Ban, ngành trong tỉnh nên đã thu thập nhanh chóng các số liệu thống kê có ở địa phương.

Nền tảng của báo cáo này là các số liệu thống kê do Chi cục thống kê, Ủy ban kế hoạch tỉnh, các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh cung cấp cộng với những tài liệu lưu trữ tại các cơ quan Trung ương.

Trong khung cảnh đổi mới toàn diện theo tinh thần nghị quyết của Đảng, nền kinh tế đang chuyển dần sang nền kinh tế thị trường với cơ cấu 5 thành phần, việc thu thập đầy đủ và chính xác các số liệu thống kê là một việc hết sức phức tạp. Đồng thời với những biến động thường xuyên trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, thiếu những khả năng sát kiểm tra trực tiếp (do thiếu kinh phí) cho nên nhiều vấn đề chưa phản ánh đầy đủ đã được thực trạng hiện nay. Có thể nêu một vài ví dụ: Thực tế thu nhập quốc dân của toàn tỉnh chính xác là bao nhiêu khi có rất nhiều cơ sở trước đây không có chức năng làm kinh tế nay do cần phải giải quyết công ăn việc làm và thu nhập cho cán bộ buộc phải tổ chức các cơ sở sản xuất nhỏ ở số lượng lao động thiếu ruộng đất hoặc không cần ruộng đất do ruộng đất đã hầu như về tay chủ cũ, những người này trở nên

không có ruộng đất ? Tổng diện tích rừng trồng mới bị tàn phá do hình thức mở hữu tập thể LTX dường như bị xóa bỏ, trong toàn tỉnh chính xác là bao nhiêu ? v.v.. tất nhiên còn nhiều điều khác có thể nêu ra ở đây, nhưng dù sao các số liệu thống kê cũng phản ánh được những nét chung về hiện trạng tự nhiên - kinh tế - xã hội của tỉnh. Để thực tế trở thành bộ phận tư vấn hữu hiệu cho ban lãnh đạo tỉnh, công tác thống kê cần phải được tiến hành không phải mỗi năm 1 lần mà có lẽ phải thường xuyên hơn. Trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường luôn luôn biến động mà công việc thống kê cho đến quá nửa năm sau chưa thống kê được hết năm trước theo chúng tôi là quá chậm và không đáp ứng kịp thời cho công việc điều hành, bổ sung các chế độ chính sách của chính quyền.

Ở các nước tiên tiến và ngay trong nước ta hiện nay nhiều xí nghiệp, cơ quan đã sử dụng máy tính điện tử trong công tác thống kê, điều hành. Với tài cơ của một tỉnh, nếu chưa có điều kiện để tin học hiện đại thâm nhập tới cấp huyện thì ít ra cũng phải có ở cấp tỉnh.

Trên đây là một vài nét về những căn cứ mà dựa vào đó chúng tôi tiến hành xử lý và viết báo cáo này, thiết nghĩ cần phải nêu ra ở phần mở đầu này để chúng ta có thể đánh giá đúng mức những phần chính được trình bày trong báo cáo.

Một vấn đề không dễ dàng giải quyết là trên cơ sở hiện trạng tự nhiên - kinh tế - xã hội, phân tích và định hướng chiến lược cho công tác phát triển trong những năm tới. Từ trước tới nay đã có rất nhiều báo cáo từ Trung ương đến địa phương và hầu như báo cáo nào cũng đề cập đến vấn đề này. Tuy nhiên hầu hết các tác giả đều gặp một vấn đề nan giải là khó có thể đưa ra những hướng mũi nhọn thực sự trong mối quan hệ tổng hoà với các ngành khác, có nghĩa là đưa ra những hướng mang tính chất khả thi và hy vọng giải quyết. Chúng sẽ ~~đi~~ có tác động làm chuyển biến về cơ bản toàn bộ kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong báo cáo này chúng tôi tập trung phân tích những thế mạnh của tỉnh, gắn nó với bối cảnh hiện tại, cố gắng nêu lên những yếu tố cần thiết có liên quan để biến thế mạnh tiềm năng thành thế mạnh thực tiễn. Một điều kiện nhiên là trên cơ sở hiện trạng của từng ngành nếu chỉ nêu lên những vấn đề cần phải giải quyết, cần phải khắc phục

thì hầu hết các vấn đề kinh tế - xã hội không chỉ của Cao Bằng mà của cả nước đều phải giải quyết phải khắc phục. Trong tình hình ấy chọn lĩnh vực nào, bố trí cơ cấu kinh tế ra sao để từ đó có thể đẩy mạnh được nền kinh tế của tỉnh lên, nhằm giảm bớt khoảng cách chênh lệch giữa miền núi và miền xuôi?

Những vấn đề nêu trên chúng tôi sẽ lần lượt phân tích và trình bày ở các phần sau của báo cáo.

Nội dung báo cáo này gồm 2 phần :

Phần I : Miên trọng tự nhiên - kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Bằng.

Phần II : Một số vấn đề về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội Cao Bằng và những kiến nghị về chính sách chế độ, biện pháp thực hiện.

Trong quá trình hoàn thành báo cáo chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ và đóng góp ý kiến quý báu của Ban chủ nhiệm chương trình, của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, đặc biệt là của các đồng chí Nguyễn Trọng Yên - Viện trưởng Viện Địa chất chủ nhiệm chương trình, Đồng chí Nông Hồng Thái - Chủ tịch tỉnh Cao Bằng, trưởng ban chiến lược kinh tế - xã hội tỉnh, Đồng chí Ma Thế Động phó chủ tịch tỉnh Cao Bằng, đồng chí Nông Công Chính - phó chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch tỉnh Cao Bằng, Đồng chí Nguyễn Dịch Dỹ - Viện phó Viện Địa chất và các đồng chí Giám đốc các Sở Công nghiệp, Nông lâm nghiệp, giao thông công chính, Văn hoá giáo dục, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đồng nghiệp khác. Tập thể tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành.

PHẦN I

/-/IÊN TRẠNG TỰ NHIÊN - KINH TẾ
XÃ HỘI TỈNH CAO BANG

A - MIỀN TRĂNG TỰ NHIÊN .

I. DIỆN KHU TỰ NHIÊN :

Cao bằng thuộc tỉnh miền núi, nằm về phía Đông bắc Việt nam có tổng diện tích tự nhiên là 844.467 ha, được giới hạn bởi tọa độ từ $22^{\circ}22' - 23^{\circ}08'$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ}40' - 106^{\circ}40'$ kinh độ đông về phía Bắc, Tỉnh có đường biên giới chung với Trung quốc dài 214 km, còn phía Tây giáp Hà Tuyên, Nam giáp Bắc Thái và Đông giáp Lạng Sơn .

Địa hình của tỉnh được cấu tạo bởi lịch sử phát triển, địa chất lâu dài, song những hoạt động địa chất trẻ trong cấu trúc Việt bắc đã kế thừa - bổ sung là nhân tố quyết định cấu thành nên hiện trạng ngày nay. Đó là cái móng uốn nếp Caledoni vẫn tiếp tục nứt tạo các hố trũng trẻ được lấp đầy các lớp trầm tích trẻ hơn, cùng với sự chia cắt, hoạt động trẻ lại của các đứt gãy trùng với sông Gâm, sông Hùng, sông Bằng... và các thể hệ karst tạo dọc biên giới Việt Trung.

Từ bình đồ cấu trúc hiện đại, địa hình Cao bằng được chia ra thành 4 vùng sau (xem hình).

Vùng I : Vùng núi đá vôi chiếm khoảng 25% diện tích toàn tỉnh, phân bố chủ yếu về phía Bắc và Đông Bắc tạo nên dãy núi đá vôi dài liên tục từ Bắc Lạn đến Đông Khê - Trà Lĩnh có độ cao xấp xỉ 1000m (đỉnh Làng Ri : 1157m Trà Lĩnh, 954 m). Núi đá vôi thường có dạng khối lớn, địa hình hiểm trở, giữa chúng phổ biến những thung lũng karst hiểm nước, có độ cao thường gặp từ 400 - 500m. Từ Trà Lĩnh về phía Đông và Đông nam, địa hình thấp dần với các đỉnh cao chiếm ưu thế dao động trong khoảng 300 - 700m (đỉnh Ban Co, 769m) Chi Chai : 720m Bình Hà : 309 m) còn các thung lũng giữa núi chỉ có độ cao từ 250 - 300m .

Quá trình phát triển karst hiện đại trong vùng đá vôi đã đến giai đoạn "già", nhiều nơi bị phá hủy và bị bóc đi gần hết, chỉ còn các tảng đá sót lại nằm rải rác trên bình đồ .

Ở khu vực Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hoà, vùng núi đá vôi cũng bị phá hủy mạnh, chỉ còn những khối nhỏ rời rạc được phân cách bởi những thung lũng karst và các đồng Karst khá rộng. Nhiều nơi trong khu vực có suối ngầm, lúc ẩn, lúc hiện hoặc thường xuyên lộ ra như ở Ngạn xa, Quy Xuân với Thác Đản giốc là một thắng cảnh nổi tiếng của Cao Bằng. Hang động karst khá phổ biến như Pác bố, có những hang dài tới 300 - 400m, rộng 50 - 60m, cao 40 - 50m gặp trong vùng Hạ Lang.

Vùng 2 : Vùng núi đất phân bố chủ yếu trên phần phía Tây và Tây Nam của tỉnh, thuộc các huyện Bảo Lạc, Chợ Đồn, Thượng nguồn sông Gâm, Sông Nhông. Dạng núi này được tạo nên bởi các dãy đá vôi và các tiểu vùng núi sau :

Dãy đá Ngạn Sơn - Cốc với nhiều đỉnh cao hơn 1000m, như đỉnh Ngạn Sơn (1130m) Cốc xe (1131m), Tỉnh Túc (1657m), cao nhất là đỉnh Ploắc (1930m). Chúng có sườn không đối xứng, sườn phía Tây có độ dốc mạnh ngã xuống thung lũng sông Nhông, còn sườn Đông có độ dốc tương đối thoải tựa vào dãy núi đá vôi Hà Quảng.

Dãy đá núi đất phía Tây sông Nhông, tạo nên bởi một số đỉnh cao hơn 1000m, song có địa hình ít dốc hơn.

Tiểu vùng thượng nguồn sông Gâm, bao gồm các núi thường có độ dốc cao trung bình từ 300 - 1000m. Ở đây có địa hình phân cắt mạnh, độ dốc lớn.

Vùng 3 : Vùng đồi núi thượng nguồn sông Hiên có độ cao thấp hơn và từ sườn đông của dãy núi phía Bắc có xu hướng thoải thoải dần xuống bồn địa Cao Bằng. Tuy nhiên trong địa hình vẫn có dạng phân cắt mạnh với độ dốc lớn và xen các dải thung lũng hẹp .

Diện tích của các vùng núi đất nêu trên chiếm khoảng 62% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh.

Vùng 4 : Vùng bồn địa trung tâm Cao Bằng thuộc huyện Hoà An, chiếm khoảng 12% diện tích tự nhiên của tỉnh. Về quá khứ, đây là vùng hồ thuộc kỷ đệ tam, trải qua thời gian dài hồ đã được tích tụ lấp đầy bởi vật liệu cát lũ tích, vật liệu do sông Hiên đưa tới, tạo thành thung lũng đồng bằng sông của tỉnh. Cấu tạo bồn địa có các bậc thân bồi tích và thềm hỗn hợp chiếm ưu thế .

Khí hậu thủy văn Cao bằng mang đặc tính chung của Lãnh thổ Bắc Việt nam - Nhiệt đới gió mùa, nhưng với cấu tạo địa hình và điều kiện cảnh quan của mình nên khí hậu có những nét đặc trưng riêng so với các tỉnh bạn cùng khu vực là một số tiêu vùng mang đặc điểm khí hậu & nhiệt đới. Mặc dù ở Cao bằng vẫn có 4 mùa trong năm, song rõ rệt nhất chỉ là 2 mùa, mùa hè từ tháng 5 đến tháng 9, mùa đông, từ tháng 11 đến tháng 3, còn tháng 4 và 11 là thời gian chuyển tiếp. Biên độ nhiệt độ giữa các mùa chênh lệch lớn, mùa hè cao nhất khoảng $35 - 36^{\circ}\text{C}$, còn mùa đông thấp nhất khoảng $- 3^{\circ}\text{C}$. Nhiệt độ trung bình năm 22°C và nhiệt độ trung bình cao nhất dao động từ $25^{\circ}\text{C} - 28^{\circ}\text{C}$, còn nhiệt độ trung bình thấp nhất từ $11 - 15^{\circ}\text{C}$. Tháng giêng thường là tháng lạnh nhất trong năm, nhiều ngày nhiệt độ xuống tấp dưới 10°C và thường gặp ở Bắc Lạc, Hòa an, Nguyên Bình, Trưng Khánh. Nhiệt độ thấp tuyệt đối của tỉnh thường xuất hiện trong vùng Bắc Lạc từ $- 0,5 - 1^{\circ}\text{C}$. Trưng Khánh, Nguyên Bình từ $- 2^{\circ}\text{C} - -3^{\circ}\text{C}$.

Lượng mưa trên Lãnh thổ Cao bằng hàng năm không trải đều về mặt không gian và thời gian, mưa hầu như tập trung trong 5 - 6 tháng của mùa hè. Nhìn chung lượng mưa tương đối ít, trung bình năm từ 1000 - 1900 mm với sự phân bố không đều, lượng mưa tăng theo độ cao của địa hình và giảm ở những vùng thung lũng bị chắn gió. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, tập trung tới 70 - 80% tổng lượng mưa năm. Do ảnh hưởng của điều kiện địa hình đã dẫn đến sự phân hoá mạnh mẽ chế độ mưa của các vùng trong tỉnh. Từ hàm lượng mưa trung bình phân bố trong tỉnh, Lãnh thổ Cao bằng được cấu thành từ 3 vùng khác nhau :

Vùng mưa nhiều (1500 mm - 1900 mm) tập trung ở Nguyên Bình, Bắc Hà quang, Thông nông, Trại Lĩnh, Quảng uyển cũ, Hạ Lang và Trưng Khánh.

Vùng mưa trung bình (1300 mm - 1500 mm) tập trung ở Hòa an, Phục hoà (cũ) và một phần nhỏ trong diện tích huyện Bắc Lạc.

Vùng ít mưa (1000 - 1300 mm) tập trung ở Thạch an, Bắc Lạc

Ngoài mùa mưa, những tháng còn lại trong năm lượng mưa chỉ dao động trong khoảng 20 - 30% tổng lượng mưa năm. Riêng

tháng 12 và tháng 1 có lượng mưa ít nhất trong năm và hạn hán thường xảy ra ở những tháng này.

Nhìn chung mưa ở Cao Bằng có nhiều khả năng xảy ra lũ lụt đối với những thung lũng đồng bằng dọc hai bên sông suối gây thiệt hại mùa màng, hoa màu cũng với đất bị cuốn trôi độ phì dẫn đến hiện tượng thoái hoá bạc màu. Mưa lũ với động năng lớn còn phá hoại thực vật vùng đồi núi cùng đường xá giao thông trong tỉnh một cách nghiêm trọng. Ngược lại ở những tháng mùa khô dễ xảy ra hạn hán, dài trên những miền thuộc loại đất có khả năng giữ nước kém (đất trồng - đồi trọc) ở đây cây con lâm nghiệp cùng thực vật rừng thường ngừng sinh trưởng, khô héo...

Độ ẩm nói chung biến thiên không lớn như những nhân tố khí hậu khác như. Độ ẩm trong không khí trung bình năm 75 đến 85%, thường chênh lệch giữa ẩm nhất và khô nhất không vượt quá 10%. Đáng chú ý rằng từ tháng 10 đến tháng 1 năm sau là thời kỳ tương đối khô, có ít số ngày (10 - 15) với độ ẩm tương đối nhỏ hơn 30% .

Theo các vùng khác nhau trong tỉnh, lượng bốc hơi dao động trong khoảng 800 - 1000mm. Các tháng mùa lạnh tuy có lượng mưa nhỏ, nhưng lại có lượng bốc hơi lớn, từ đây dẫn tới tình trạng thiếu nước nghiêm trọng, đặc biệt vào tháng 12 và tháng 1 thường xảy ra hiện tượng lượng bốc hơi lớn hơn lượng mưa từ 2 - 6 lần, chính đây là nguyên nhân chủ yếu gây ra tình trạng hạn hán trong vụ đông và đông xuân trong một số năm qua .

Cùng với các nhân tố khí hậu tự nhiên, ảnh hưởng trực tiếp đến ngành nông lâm nghiệp là gió, bão cũng đóng góp một phần quan trọng. Hướng gió thịnh hành về mùa đông là Đông-bắc, về mùa hè : Đông - nam, tốc độ gió trung bình năm từ 1 - 3 m/s, thời gian chuyển tiếp từ đông sang hạ (tháng 4) gió thổi liên tục và mạnh hơn cả, với tốc độ trung bình 2 - 3 m/s. Ngược lại trong thời gian từ hạ sang đông (tháng 9, 10) là thời kỳ gió có tốc độ yếu nhất trong năm. Do ở vị trí xa biên, lại là miền núi, bão thường ít ảnh hưởng tới Cao Bằng, tốc độ của gió bão thường nhỏ hơn 20 m/s và ít gây thiệt hại. Đi kèm với những đợt gió bão này, trên lãnh thổ thường có hiện tượng mưa lớn, kéo dài.